

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HOÀNG MAI
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 03/5/2019

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Phương Minh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Phi Mạnh
Bà Nguyễn Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 913/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2018 về việc: tranh chấp ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Tạ Thị H**, sinh năm 1983;

Hộ khẩu thường trú: khu đô thị mới K, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội.

Chỗ ở: khu tập thể B, phố N, phường H, quận B, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Anh **Phạm Tuấn T**, sinh năm 1981;

Hộ khẩu thường trú và cư trú tại: khu đô thị mới K, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội.

Tại phiên tòa: có mặt chị H; vắng mặt anh T, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 10/10/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Tạ Thị H trình bày: chị và anh Phạm Tuấn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 23/4/2011 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện A, tỉnh Hưng Yên. Sau khi kết hôn, vợ chồng thuê nhà ở Hà Nội để ở cho đến năm 2014 thì về chung sống tại khu đô thị mới K, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do sau khi sinh con chị không có nhu cầu về sinh lý, hơn nữa vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong việc nuôi dạy con; vợ chồng không có sự chia sẻ, quan tâm lẫn nhau mọi việc trong cuộc sống. Mâu thuẫn của vợ chồng chị thì gia đình, bạn bè hai bên đều biết và đã khuyên giải, phân tích cho vợ chồng chị nhiều lần và đã 3 lần tổ chức hòa giải giữa hai vợ chồng nhưng không có kết quả gì.

Từ tháng 12/2018 đến nay do không thể tiếp tục chung sống được với anh T nên chị và con gái đã chuyển ra ngoài và thuê nhà sinh sống tại khu tập thể B, phố N, phường H, quận B, thành phố Hà Nội; còn anh T vẫn ở tại địa chỉ khu đô thị mới K, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội. Từ khi chị chuyển ra ngoài sinh sống, vợ chồng chỉ gặp gỡ nhau khi anh T muốn gặp con. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã quá trầm trọng và kéo dài nên cương quyết xin được ly hôn anh T.

- Về con chung: chị và anh T có 01 con chung là Phạm Quỳnh L, sinh ngày 05/12/2013. Ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung vì hiện nay cháu còn nhỏ cần được sự chăm sóc của chị, chị có thu nhập và các điều kiện khác đảm bảo cho việc chăm sóc cháu. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại chị là kế toán trưởng của Công ty cổ phần dịch vụ phân tích di truyền, thu nhập trung bình hàng tháng là 22.000.000 đồng. Sở dĩ tại buổi hòa giải ngày 17/01/2019 chị đồng ý cho anh T nuôi con vì chị muốn giải quyết ly hôn sớm và để anh T trực tiếp nuôi con một thời gian trong khả năng xem có đảm bảo cho con không. Nhưng sau đó chị về nói chuyện với cháu, cháu khóc nhiều và không đồng ý nên đã làm đơn xin thay đổi lại biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành.

- Về tài sản chung, nhà đất ở chung: Chị và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Phạm Tuấn T trình bày: Anh kết hôn với chị Tạ Thị H trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 23/4/2011 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện A, tỉnh Hưng Yên. Sau khi kết hôn, vợ chồng thuê nhà ở Hà Nội để ở cho đến năm 2014 thì về chung sống tại khu đô thị mới K. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ cuối năm 2016, nguyên nhân do tính cách của hai bên không hòa hợp, chị H không tôn trọng anh. Ngoài ra, do chị H theo tín ngưỡng nhưng theo anh chị H lại theo thái

quá nên cũng ảnh hưởng đến cuộc sống vợ chồng. Mâu thuẫn của vợ chồng thì gia đình, bạn bè hai bên đều biết và đã tổ chức nhiều cuộc hòa giải giữa hai vợ chồng nhưng không có kết quả gì. Bản thân anh cũng đã cố gắng hàn gắn tình cảm để vợ chồng quay về cùng nuôi dạy con cái nhưng cũng không có kết quả.

Từ khoảng tháng 12/2018 khi chị H và con gái bỏ ra ngoài sinh sống thì mặc dù anh có chủ động gọi điện, nhắn tin để mong chị H quay về nhưng chị H đều không trả lời anh, chị H không có thiện chí quay về đoàn tụ.

Nay chị H có đơn xin ly hôn, anh xác định vợ chồng có mâu thuẫn, bất đồng quan điểm nhưng không đến mức trầm trọng để ly hôn. Anh không đồng ý ly hôn chị H vì anh không muốn con gái phải khổ. Nếu trường hợp chị H kiên quyết xin ly hôn và đồng ý để anh nuôi con thì anh đồng ý ly hôn; nếu chị H không đồng ý để anh nuôi con thì anh đề nghị Tòa án căn cứ giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: anh và chị H có 01 con chung là Phạm Quỳnh L, sinh ngày 05/12/2013. Nếu phải ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Hiện anh công tác tại Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên - môi trường biển khu vực phía Bắc thuộc Bộ Tài nguyên và môi trường, tổng thu nhập trung bình hàng tháng khoảng 15.000.000 đồng. Anh không đồng ý để chị H nuôi con vì môi trường sống của anh tốt hơn cho con. Chị H ăn chay trường và việc theo đạo phật nên anh nghĩ sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển của con. Từ khi vợ chồng ly thân, mỗi người một nhà bản thân anh vẫn đến đón và thăm con vào các ngày nghỉ cuối tuần.

- Về tài sản chung, nhà đất ở chung: Anh và chị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh và chị H không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn là chị Tạ Thị H không rút đơn khởi kiện. Chị H xác định chị và anh T không thể quay về đoàn tụ vì tính cách của chị và anh T không hòa hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong việc chăm sóc con chung, trong thời gian vợ chồng sống ly thân thì mâu thuẫn giữa chị và anh T vẫn không cải thiện được nên chị cương quyết xin được ly hôn anh Phạm Tuấn T. Về con chung: chị và anh T có 01 con chung là Phạm Quỳnh L, sinh ngày 05/12/2013; chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung vì cháu L là con gái, chị có thu nhập cao hơn anh T và hơn nữa anh T hay phải đi công tác dài ngày nên không đảm bảo việc nuôi dưỡng con chung; chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị. Về tài sản chung, nhà đất ở chung và nợ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, anh T trình bày mong muốn chị H rút đơn để vợ chồng được đoàn tụ. Nếu phải ly hôn anh có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung để bố con anh được gần nhau, anh có đủ điều kiện để nuôi con, anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại phiên tòa. Các đương sự là nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: xét mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H, cho chị H được ly hôn anh T. Về con chung: chị H và anh T có 01 con chung là Phạm Quỳnh L, sinh ngày 05/12/2013, giao con chung là Phạm Quỳnh L cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh T cho đến khi chị H có yêu cầu hoặc đến khi có sự thay đổi khác; anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Về tài sản chung và nợ chung: anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xét. Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Chị Tạ Thị H có đơn khởi kiện đề ngày 10/10/2018 về việc xin ly hôn anh Phạm Tuấn T, cư trú tại: khu đô thị mới K, phường Đ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết vụ án tranh chấp ly hôn giữa nguyên đơn là chị Tạ Thị H và bị đơn là anh Phạm Tuấn T là đúng thẩm quyền.

Xét tại phiên tòa hôm nay, anh Phạm Tuấn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng anh T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tạ Thị H và anh Phạm Tuấn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 23/4/2011 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện A, tỉnh Hưng Yên, nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng thuê nhà tại Hà Nội để ở cho đến năm 2014 thì về chung sống tại khu đô thị mới K, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn.

Theo chị Tạ Thị H trình bày thì nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong việc nuôi dạy con; vợ chồng không có sự chia sẻ, quan tâm lẫn nhau mọi việc trong cuộc sống. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình, bạn bè hai bên khuyên giải cho vợ chồng chị nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay, chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể quay về đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Anh Phạm Tuấn T xác nhận mâu thuẫn vợ chồng do tính cách, quan điểm sống của hai bên không hòa hợp, chị H không tôn trọng anh, bản thân anh cũng đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không có kết quả. Tuy nhiên, anh T không đồng ý ly hôn với chị H vì anh muốn con có đủ cả bố mẹ.

Căn cứ vào lời trình bày của chị H, anh T và qua xác minh tình trạng hôn nhân của anh chị tại tổ trưởng tổ dân phố cũng như ý kiến của những người trong gia đình anh chị, thấy rằng: quá trình chung sống vợ chồng anh chị có phát sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn giữa vợ chồng đã được tổ dân phố cũng như gia đình, bạn bè hai bên hòa giải cho vợ chồng anh chị nhiều lần nhưng không có kết quả. Từ tháng 12/2018 đến nay anh chị sống ly thân, mỗi người mỗi nơi. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần, để chị H và anh T có cơ hội trao đổi để hàn gắn tình cảm vợ chồng, mong muốn vợ chồng anh chị đoàn tụ nhưng chị H vẫn cương quyết xin ly hôn, anh T không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân gia đình: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau ...*”. Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị H và anh T đã trầm trọng, vợ chồng sống ly thân, không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng, khả năng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, cho chị H được ly hôn anh T.

[3] Về con chung: chị H và anh T xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Phạm Quỳnh L (nữ), sinh ngày 05/12/2013; hiện đang ở với chị H. Nếu ly hôn, chị H và anh T đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bên kia phải cấp dưỡng nuôi con. Xét nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của chị H và anh T đều chính đáng, đây là quyền và nghĩa vụ của anh chị sau khi ly hôn đối với con chung. Nhưng việc giao con cho

bên nào được trực tiếp nuôi dưỡng phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt nhằm đảm bảo tốt nhất cho con.

Xét về điều kiện nuôi con của chị H và anh T thì thấy anh, chị đều có công việc và thu nhập ổn định để nuôi con chung. Tuy nhiên, cháu L còn nhỏ, lại là con gái nên rất cần sự gần gũi và chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Bản thân anh T cũng có lời khai thừa nhận anh thấy chị H chăm con rất tốt và chu đáo, cháu L phát triển khỏe mạnh, bình thường. Bà Trần Thị L là mẹ đẻ anh T có lời khai đề nghị Tòa án xem xét để chị H nuôi con, vì không gì bằng mẹ nuôi con và chăm con.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tham khảo ý kiến của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận Hoàng Mai được cho ý kiến: Nguyên vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của chị H và anh T là chính đáng. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, do cháu L còn nhỏ, lại là con gái, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt nhằm đảm bảo tốt nhất cho con chung, đề nghị Tòa án xem xét giao cháu L cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu L cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 5/2019 cho đến khi cháu L trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: do chị Tạ Thị H không yêu cầu anh Phạm Tuấn T cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh T cho đến khi chị H có yêu cầu hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

[4] Về tài sản chung, nhà, đất ở chung và nợ chung: chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự chị H là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai tại phiên tòa phù hợp với pháp luật, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tạ Thị H đối với anh Phạm Tuấn T.

Chị Tạ Thị H được ly hôn anh Phạm Tuấn T.

2. Về con chung: chị Tạ Thị H và anh Phạm Tuấn T xác nhận có 01 con chung là Phạm Quỳnh L, sinh ngày 05/12/2013.

Giao con chung là cháu Phạm Quỳnh L, sinh ngày 05/12/2013 cho chị Tạ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, kể từ tháng 5/2019 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh Phạm Tuấn T cho đến khi chị Tạ Thị H có yêu cầu hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh Phạm Tuấn T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nhà, đất ở chung và nợ chung: chị Tạ Thị H và anh Phạm Tuấn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: chị Tạ Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu số 0004470 ngày 06/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

5. Quyền kháng cáo: chị Tạ Thị H có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Tuấn T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai;
- Chi cục Thi hành án DS quận Hoàng Mai;
- Ủy ban nhân dân xã H, huyện A, tỉnh Hưng Yên (CNKH số 20 ngày 23/4/2011);
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Phương Minh